

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 279/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07 – 12 – 2017

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Trọng Tâm
2. Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 661/2017/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2017 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 781/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kh, sinh năm: 1976, (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Nam Nghĩa, xã Tân Ân Tây, huyện N, tỉnh C.

Tạm trú: Nhà không số, Nguyễn Trãi, khóm 4, phường X, Tp.Y, tỉnh C.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H (Dũng), sinh năm: 1974, (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 60/8, Lâm Thành Mậu, khóm 5, phường 4, Tp.Y, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 21/8/2017 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Kh trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố Y, tỉnh C. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, chị cho rằng vợ chồng vẫn hạnh phúc được 02 năm đầu, nhưng sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị xác định là do anh H có nhiều mối quan hệ bên ngoài, không quan tâm, không có trách nhiệm gì đối với mẹ con chị. Từ đó vợ, chồng luôn bất hòa, gây gổ và anh H thường

xuyên đi giao du bên ngoài. Do đó, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên năm 2009, chị có nộp đơn xin ly hôn với anh H một lần nhưng sau đó chị rút lại nhằm cho anh H cơ hội sửa đổi để vợ chồng đoàn tụ. Đến thời điểm này, chị xác định anh H vẫn không thay đổi nên vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị Kh xác định chị và anh H có 01 người con chung tên Nguyễn Tường V, sinh ngày 29/8/2005, hiện cháu V đang được chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000đ đến khi cháu V trưởng thành.

- Về tài sản chung: Chị Kh xác định vợ, chồng chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Kh khai vợ, chồng chị không thiếu nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng chị.

Đối với anh Nguyễn Văn H, mặc dù đã được Tòa án đã triệu tập nhiều lần đến phiên tòa để tham gia hòa giải và xét xử vụ án thông qua chị ruột anh H là chị Nguyễn Huệ Đ nhận thay và cam kết giao lại nhưng anh H vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Mặc dù đã được Tòa án đã triệu tập nhiều lần đến phiên tòa để tham gia hòa giải và xét xử vụ án thông qua chị ruột anh H là chị Nguyễn Huệ Đ nhận thay và cam kết giao lại nhưng anh H vẫn không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kh và anh Nguyễn Văn H xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2005 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống anh, chị có nhiều điểm bất đồng, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông và chia sẻ lẫn nhau. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, anh, chị có cách sống, cách nghĩ và hành động khác nhau, vì anh H không quan tâm đến cuộc sống gia đình, bỏ mặc vợ, con dẫn đến việc gây bất hòa trong cuộc sống, làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng nên anh, chị mỗi người sống một nơi, có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Thực tế anh, chị cũng không còn chung sống vợ chồng nhiều năm nay. Năm 2009, chị Kh đã nộp đơn xin ly hôn với anh H nhưng sau đó chị rút lại để vợ chồng có thời gian suy nghĩ, có biện pháp khắc phục mâu thuẫn, nhằm xây dựng hạnh phúc gia đình. Song, thời gian này không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn và cũng không liên lạc hay quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, chị Kh cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét chấp nhận cho chị ly hôn thì chị cũng

không đoàn tụ, chung sống với anh H. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận cho chị Kh được ly hôn với anh H là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị Kh xác định chị và anh H có 01 người con chung tên Nguyễn Tường V, sinh ngày 29/8/2005, hiện cháu V đang được chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 650.000đ cho đến khi cháu V thành niên. Xét thấy, cháu V hiện do chị Kh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng thời nguyện vọng của cháu V muốn được chung sống với chị Kh nên căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu V cho chị Kh tiếp tục nuôi dưỡng và buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 650.000đ theo quy định là hoàn toàn có cơ sở.

[4] Về tài sản chung: Chị Kh xác định vợ, chồng chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết;

[5] Về nợ chung: Chị Kh khai vợ, chồng chị không thiếu nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng chị nên không đặt ra xem xét.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14. Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kh về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn H (Dũng).

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày 29/8/2005 cho chị Nguyễn Thị Kh tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 650.000đ, thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Kh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về tài sản chung: Chị Kh xác định không có nên không đặt ra xem xét;

4. Về nợ chung: Chị Kh khai không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Thị Kh phải chịu 300.000đ. Ngày 21 tháng 8 năm 2017, chị Kh đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 3564 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đổi trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, buộc anh H phải chịu 300.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị Kh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND phường 4, Tp.Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

HỨA MINH HẢI